



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG  
TRUNG TÂM QUẢN LÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG CẤP NƯỚC  
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM



Website: www.dawaco.com.vn; Email: dawacojsc@gmail.com

Trụ sở: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3697.737; Fax: (0236) 3697.222; LabDawaco: (0236) 3702.662

Số: 126-2/CLN/LABDAWACO

Ngày 21/07/2025

Trang 1/1

## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Tên mẫu : NƯỚC XỬ LÝ TRẠM CẤP NƯỚC KHE GIÀNH

Vị trí lấy mẫu : Trạm Cấp nước Khe Giành

Ngày lấy mẫu : 14/07/2025

Tuần : 29

Tháng: 07/2025

Ngày nhận mẫu : 14/07/2025

Ký hiệu mẫu : 126-2

Số lượng/Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong bình nhựa khoảng 2 lít và 02 chai thủy tinh khoảng 200ml/chai

Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Nhật Huy

| Stt | Tên chỉ tiêu                          | Đơn vị    | Phương pháp thử             | Kết quả         | Tiêu chuẩn      | Ngày kiểm nghiệm                           |
|-----|---------------------------------------|-----------|-----------------------------|-----------------|-----------------|--------------------------------------------|
| 1   | Màu sắc                               | mg/l Pt   | TCVN 6185:2015              | 7               | $\leq 15$       | Từ ngày<br>14/07/2025<br>đến<br>21/07/2025 |
| 2   | Mùi                                   | -         | PP.HH.3.11 (*)              | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ |                                            |
| 3   | Độ đục                                | NTU       | Ref TCVN 6184:2008          | 0,74            | $\leq 2$        |                                            |
| 4   | pH                                    | -         | TCVN 6492:2011              | 7,16            | 6,0 - 8,5       |                                            |
| 5   | Độ cứng, tính theo $\text{CaCO}_3$    | mg/l      | TCVN 6224:1996              | 6               | $\leq 300$      |                                            |
| 6   | Chloride ( $\text{Cl}^-$ )            | mg/l      | TCVN 6194:1996              | $< 5$ (MQL)     | $\leq 250$      |                                            |
| 7   | Sắt ( $\text{Fe}$ )                   | mg/l      | TCVN 6177:1996              | $< 0,030$ (MQL) | $\leq 0,3$      |                                            |
| 8   | Mangan ( $\text{Mn}$ )                | mg/l      | TCVN 6002:1995              | $< 0,040$ (MQL) | $\leq 0,1$      |                                            |
| 9   | Nitrit ( $\text{NO}_2^-$ tính theo N) | mg/l      | Ref TCVN 6494-1:2011        | KPH (MDL=0,005) | $\leq 0,9$      |                                            |
| 10  | Nitrat ( $\text{NO}_3^-$ tính theo N) | mg/l      | Ref TCVN 6494-1:2011        | 0,23            | $\leq 11$       |                                            |
| 11  | Sulfat ( $\text{SO}_4^{2-}$ )         | mg/l      | Ref TCVN 6494-1:2011        | 1,0             | $\leq 250$      |                                            |
| 12  | Permanganat                           | mg/l      | TCVN 6186:1996              | $< 0,50$ (MQL)  | $\leq 2$        |                                            |
| 13  | Coliform tổng số                      | CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019            | $< 1$           | $< 1$           |                                            |
| 14  | E.coli                                | 100ml     | TCVN 6187-1:2019            | $< 1$           | $< 1$           |                                            |
| 15  | Clo dư tự do                          | mg/l      | PP so màu orthotolidine (*) | 0,70            | 0,2 - 1,0       | 14/07/2025                                 |

### \* Ghi chú:

- Quá trình lấy mẫu được thể hiện theo Biên bản lấy mẫu và bàn giao mẫu nước số: 126/LAB ngày 14/07/2025.
- Tiêu chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt do Bộ Y tế ban hành.
- 'Phiếu Kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Dawaco.
- LabDawaco không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.

KPH: Không phát hiện.

(\*): Phương pháp thử chưa đăng ký công nhận.

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

(s) : Kết quả thử nghiệm được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

\* Nhận xét: Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đáp ứng yêu cầu giới hạn cho phép theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt do Bộ Y tế ban hành.



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**Trần Phước Thương**

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM

**PHẠM VIỆT HÙNG**